

Số: 28/2023/QĐST-HNGĐ

P, ngày 09 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ T THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Phạm Thị C (tên gọi khác: Phạm Thị T), sinh năm 1963;

Đăng ký HKTT: Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ;

Địa chỉ hiện nay: Tổ 9, Ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đ;

- Ông Nguyễn Vũ T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị C(T) và ông Nguyễn Vũ T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P ngày 17/10/1985 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà C (T) và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, bà C và ông T chung sống với nhau được vài năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, cộng với việc bà C thường xuyên bị bố đẻ ông T và em trai ông T đánh đập, đâm chém do tinh thần của bố đẻ ông T và em trai không bình thường. Đến năm 1995 do không thể chung sống cùng ông T được nữa nên bà C đã đưa các con vào trong tỉnh Đ sinh sống làm ăn. Bà C và ông T sống ly thân từ năm 1995 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay bà C và ông T đều xác định

không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài và sống ly thân nhau nhiều năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C và ông T đều thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Bà C và ông T xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986; Nguyễn Vũ Th1, sinh năm 1991. Hiện các con của bà C, ông T đã trưởng thành, có gia đình riêng nên khi ly hôn bà C, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông T đều xác định ông, bà không có tài sản chung, không nợ ai tài sản, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị C(T) và ông Nguyễn Vũ T thỏa thuận thống nhất, bà C tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 01/6/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị C (Phạm Thị T) và ông Nguyễn Vũ T (Nguyễn Văn T) T thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Phạm Thị C (Phạm Thị T) và ông Nguyễn Vũ T (Nguyễn Văn T) xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986; Nguyễn Vũ Th1, sinh năm 1991. Ly hôn, các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà C, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị C (Phạm Thị T) và ông Nguyễn Vũ T (Nguyễn Văn T) đều xác nhận ông, bà không có tài sản chung, không nợ ai tài sản, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị C (Phạm Thị T) và ông Nguyễn Vũ T (Nguyễn Văn T) thỏa thuận bà C tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006260 ngày 23/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Bà C đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh H;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q